TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19/8/2022
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Sang;
2. Bà Thi Thị Thanh Trúc;

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Huê – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Thòn, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2022/TB-TLVA ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bùi Văn L, sinh 1958 *(xin vắng mặt);*
Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện Ch, tỉnh Tr.
- *Bị đơn:* Võ Thị V, sinh 1960 *(xin vắng mặt)*
Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện Ch, tỉnh Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 4 năm 2022 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bùi Văn L trình bày:*

Ông Bùi Văn L với bà Võ Thị V tiến tới hôn nhân vào năm 1981; không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có 03 con chung tên: Bùi Thị Chúc Th, sinh 1981; Bùi Thị Trúc L, sinh 1982 và Bùi Văn C, sinh 1986.

Sau thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, không có tiếng nói chung vào năm 2006 do có chăn nuôi cá và tôm bị thua lỗ dẫn đến ông L, bà V cự cải mâu thuẫn càng nhiều cho nên năm 2010 bà Vinh bỏ đi Sài Gòn ở chung với con gái và sống ly thân đã hơn 12 năm nay. Vì thế tình cảm vợ chồng không còn nên ông L yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: ông L yêu cầu ly hôn với bà V.

+ Về con chung: có 03 con chung tên: Bùi Thị Trúc Th, sinh 1981; Bùi Thị Trúc L, sinh 1982 và Bùi Văn C, sinh 1986. Nay các con đã trưởng thành có quyền có cuộc sống riêng.

+ Về tài sản chung: Ông L với bà V đề nghị Tòa án ghi nhận theo văn bản phân chia thống nhất thỏa thuận như sau: ông L đồng ý giao quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị V và các con Bùi Thị Trúc Th, Bùi Thị Trúc L và Bùi Văn C được quyền sử dụng diện tích đất thửa 923 diện tích 677m^2; thửa 348 diện tích 3.905m^2; loại đất lúa; cùng tờ bản đồ số 2; ấp L, xã H, huyện Ch, tỉnh Tr.

+ Về nợ chung: Bà Võ Thị V với ông Bùi Văn L xác định không có

- Theo bản khai và biên bản lấy lời khai ngày 09/8/2022 bị đơn Võ Thị V trình bày:

Bà Võ Thị V với ông Bùi Văn L tiến tới hôn nhân vào năm 1981; không có đăng ký kết hôn và sinh được 03 con chung tên: Bùi Thị Chúc Th, sinh 1981; Bùi Thị Trúc L, sinh 1982 và Bùi Văn C, sinh 1986. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng vào năm 2006 do nuôi tôm bị thua lỗ dẫn đến ông L, bà V cự cải mâu thuẫn nhau; bà V bỏ đi Sài Gòn ở chung với con gái và đi làm; sống ly thân với ông L đã hơn 10 năm, nay bị đơn Võ Thị V đồng ý thỏa thuận như sau:

+ Về hôn nhân: Bà V đồng ý ly hôn với ông L;

+ Về con chung tên: Bùi Thị Trúc Th, sinh 1981; Bùi Thị Trúc L, sinh 1982 và Bùi Văn C, sinh 1986. Nay các con đã trưởng thành có quyền có cuộc sống riêng.

+ Về tài sản chung: Ông L với bà V đề nghị Tòa án ghi nhận theo văn bản phân chia tài sản chung như sau: ông L đồng ý giao quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị V và các con Bùi Thị Trúc Th, Bùi Thị Trúc L và Bùi Văn C được quyền sử dụng diện tích đất thửa 923 diện tích 677m^2; thửa 348 diện tích 3.905m^2; loại đất lúa; cùng tờ bản đồ số 2; ấp L, xã H, huyện Ch, tỉnh Tr.

+ Về nợ chung: Bà Võ Thị V với ông Bùi Văn L xác định không có

- Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Bùi Văn L xin xét xử vắng mặt vẫn giữ yêu cầu ly hôn với Võ Thị V. Bị đơn Võ Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa cho rằng việc thụ lý vụ án là đúng quan hệ pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của đương sự, của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Cả hai không còn quan tâm, yêu thương nhau, quan hệ hôn nhân không đạt được, hiện cả hai sống ly thân và đồng ý ly hôn nên căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm c mục 3 của Nghị quyết: 35/2000/QH10 của Quốc hội cho ông Bùi Văn L được ly hôn với bà Võ Thị V. Về án phí hôn nhân sơ thẩm nguyên đơn ông Luận phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là " Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Võ Thị Vinh xin vắng mặt; căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Ông Bùi Văn L với bà Võ Thị V xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1981 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống nên từ đó dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng; ông L, bà V đã sống ly thân nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án ông L kiên quyết xin ly hôn với bà V, bà V đồng ý ly hôn; theo như biên bản hòa giải ngày 09/8/2022 ông L, bà V thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; từ đó căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm c mục 3 của Nghị quyết: 35/2000/QH10 của Quốc hội cho ông Bùi Văn L được ly hôn với bà Võ Thị V.

[3] Về con chung: các con của ông L, bà V đã trưởng thành, có quyền có cuộc sống riêng.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn ông L, bị đơn bà V đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung về quyền sử dụng đất của ông Bùi Văn L với bà Võ Thị V theo văn bản phân chia tài sản chung như sau: ông Bùi Văn L đồng ý giao quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị V và các con Bùi Thị Trúc Th, Bùi Thị Trúc L và Bùi Văn C được quyền sử dụng diện tích đất thửa 923 diện tích 677m^2; thửa 348 diện tích 3.905m^2; loại đất lúa; cùng tờ bản đồ số 2; ấp L, xã H, huyện Ch, tỉnh Tr.

[5] Về nợ chung: ông Bùi Văn L với bà Võ Thị V xác định không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm c mục 3 của Nghị quyết: 35/2000/QH10 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Luận cho ông Bùi Văn L được ly hôn với bà Võ Thị Vinh.

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, có quyền có cuộc sống riêng.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung về quyền sử dụng đất của ông Bùi Văn L với bà Võ Thị V theo văn bản phân chia tài sản chung như sau: ông Bùi Văn L đồng ý giao quyền sử dụng đất cho bà Võ Thị V và các con Bùi Thị Trúc Th, Bùi Thị Trúc L và Bùi Văn C được quyền sử dụng diện tích đất thửa 923 diện tích 677m^2; thửa 348 diện tích 3.905m^2; loại đất lúa; cùng tờ bản đồ số 2; ấp L, xã H, huyện Ch, tỉnh Tr.

4. Về nợ chung: ông Bùi Văn L với bà Võ Thị V xác định không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn Bùi Văn L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011191 ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện châu Thành;

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,7a,7b và điều 9 luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Thi Thị Thanh Trúc - Trần Thị Sang **Nguyễn Thanh Tuấn**